

Số: 19 /2024/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán, bảo vệ rừng
trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ngày 15 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của
Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy
định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán, bảo vệ rừng trong lâm nghiệp trên
địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Văn bản giải trình số 9512/UBND-NN4 ngày 01 tháng
12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 219/BC-BKTNS
ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán, bảo vệ rừng
trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại các Điều 9, 10, 11,
12, 13, 14, 15, 16, 19, 22 và 23 của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5
năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Trừ các tổ chức, đơn vị trực thuộc các Tập đoàn, Tổng công ty; các tổ chức trực thuộc Bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc).

Điều 3. Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán, bảo vệ rừng trong lâm nghiệp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

1. Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ quy định tại Điều 9 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 như sau:

a) Ban quản lý dự án rừng phòng hộ hoặc tổ chức nhà nước được giao quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các đối tượng khác theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp mức cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê mức cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha;

d) Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

2. Mức cấp kinh phí thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 10 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 như sau:

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên mức cấp kinh phí là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm.

b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung mức cấp kinh phí là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo;

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt;

d) Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

3. Mức đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 11 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024: theo thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Mức hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 12 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024:

a) Mức hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao;

b) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha;

c) Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

5. Mức hỗ trợ kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên quy định tại Điều 13 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024:

a) Mức hỗ trợ kinh phí là 8.000.000 đồng/ha;

b) Chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt;

c) Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

6. Mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ quy định tại Điều 14 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024:

a) Hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng;

b) Hỗ trợ chi phí cho công tác khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/4 năm (1 năm trồng và 3 năm chăm sóc);

c) Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu theo dự toán được duyệt.

7. Mức hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn quy định tại Điều 15 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 như sau:

a) Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, tính trên số vốn vay dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hỗ trợ (nếu có);

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất: tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng đầu tư với ngân hàng thương mại, tối đa 12 năm;

c) Số vốn vay được hỗ trợ lãi suất: tối đa không quá 70% tổng vốn vay tại Ngân hàng thương mại.

8. Mức hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quy định tại Điều 16 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 hỗ trợ một lần sau đầu tư là 400.000 đồng/ha.

9. Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng quy định tại Điều 19 Nghị định

58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024:

a) Mức kinh phí cấp cho khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 500.000 đồng/ha/năm;

b) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha;

c) Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

10. Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp quy định tại Điều 22 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 như sau:

a) Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình: xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; xây dựng vườn ươm giống theo hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt nhưng tối đa theo mức quy định tại các điểm b, c và d khoản này;

b) Hỗ trợ 55.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên; hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m² trở lên;

c) Hỗ trợ 5.000.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1,0 triệu cây/năm;

d) Hỗ trợ 300.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha.

11. Mức hỗ trợ trồng cây phân tán quy định tại Điều 23 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 là 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha) để hỗ trợ mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc; tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.

Điều 4. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, hoạt động đầu tư đã được phê duyệt theo các văn bản pháp luật hiện hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo chương trình, dự án đã được phê duyệt.

2. Đối với chương trình, dự án, hoạt động đầu tư được xây dựng theo các văn bản pháp luật hiện hành đã nộp hồ sơ nhưng chưa được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khoá XVII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chánh, Phó Văn phòng, chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TTDN (01), H(100b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Quang Tiến